

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành

Ngày 31/12/2025	36,350 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.1%	-4.2%	0.3%

DT thuần Q4/25	66.2
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 3.10 5.0%
YoY: ▼14.3 -17.7%	

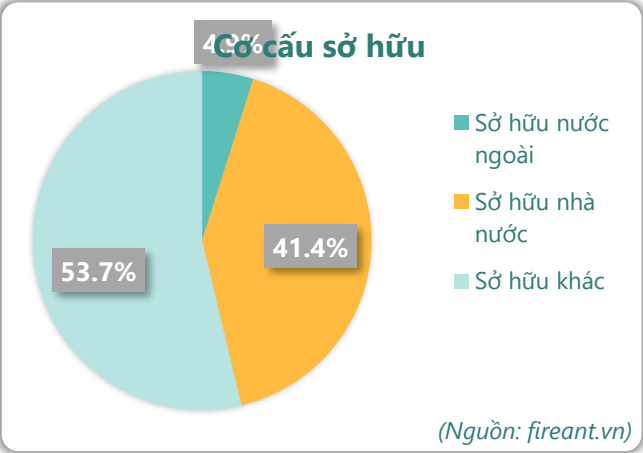
LN thuần Q4/25	28.6
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 9.60 50.7%
YoY: ▲ 14.9 109%	

LN sau thuế Q4/25	22.9
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 7.80 51.5%
YoY: ▲ 12.4 118%	

Tỷ suất lãi EBIT 2025	31.1%
YoY: +/-▲ 9.7%	

ROE 2025	16.5%
YoY: +/-▲ 4.5%	

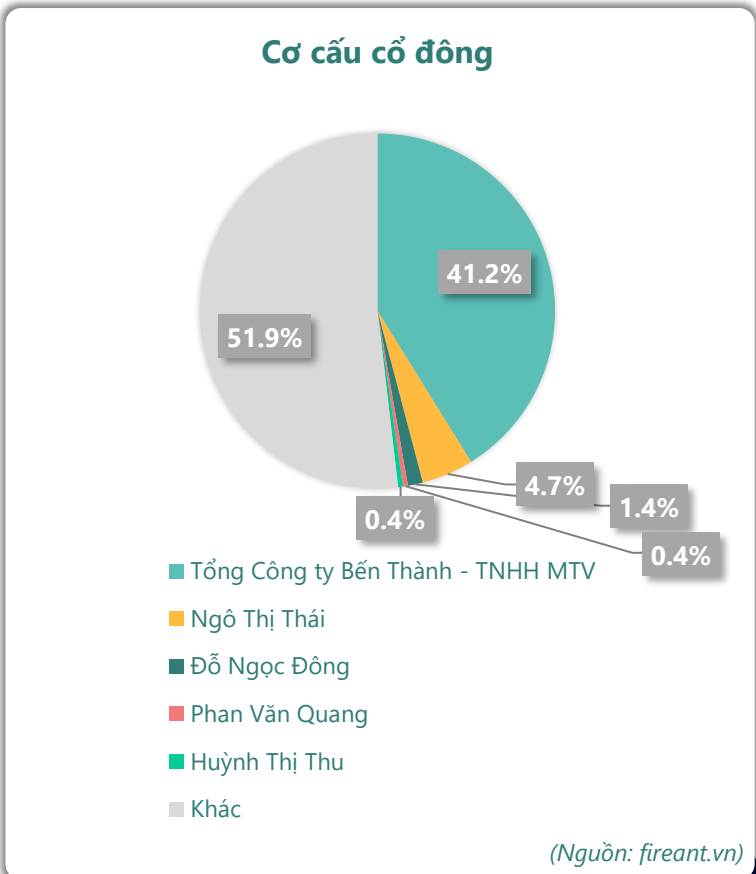
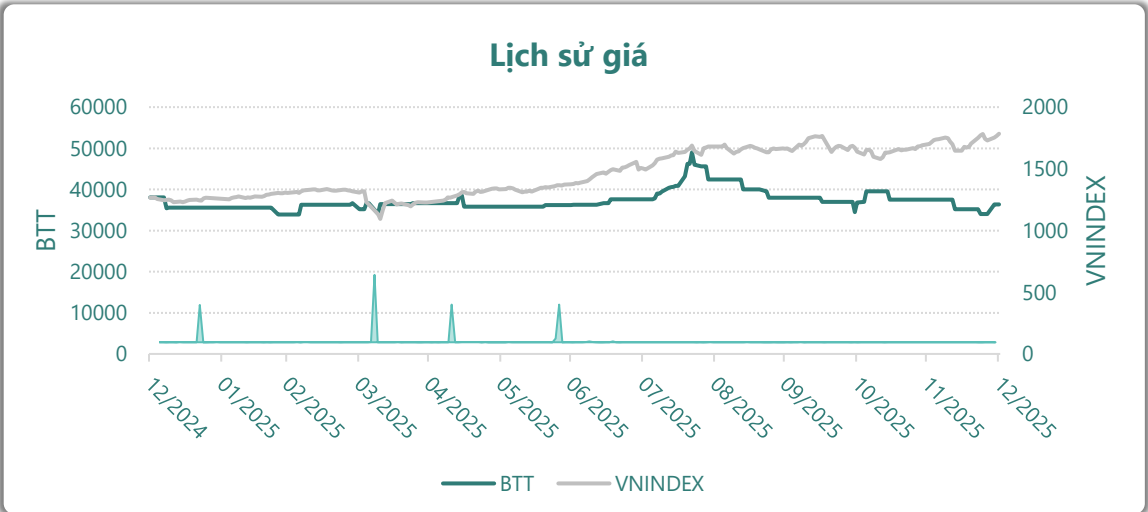
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	33,899 - 49,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	491
Số lượng CPLH (CP)	13,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	31,805
Sở hữu nước ngoài	4.9%
Beta	0.33
EPS	4,930
P/E	7.4



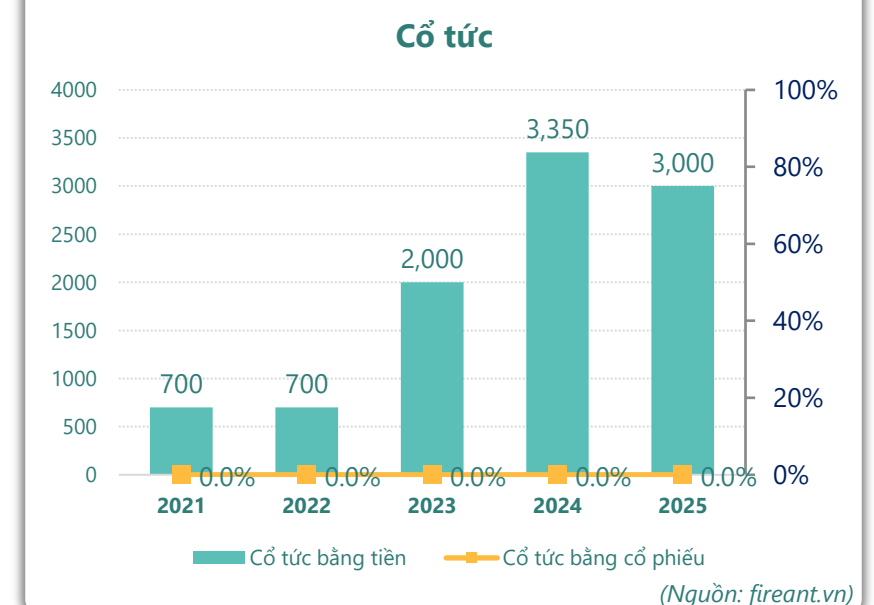
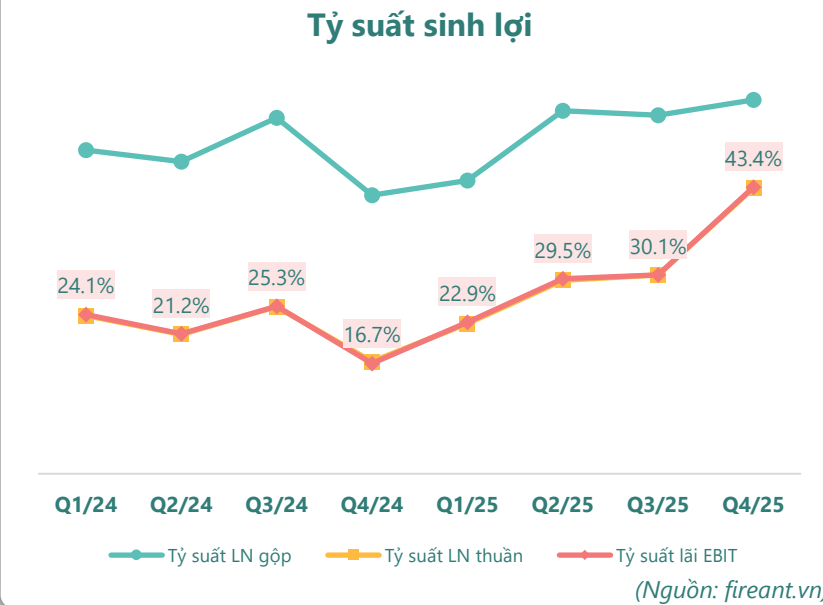
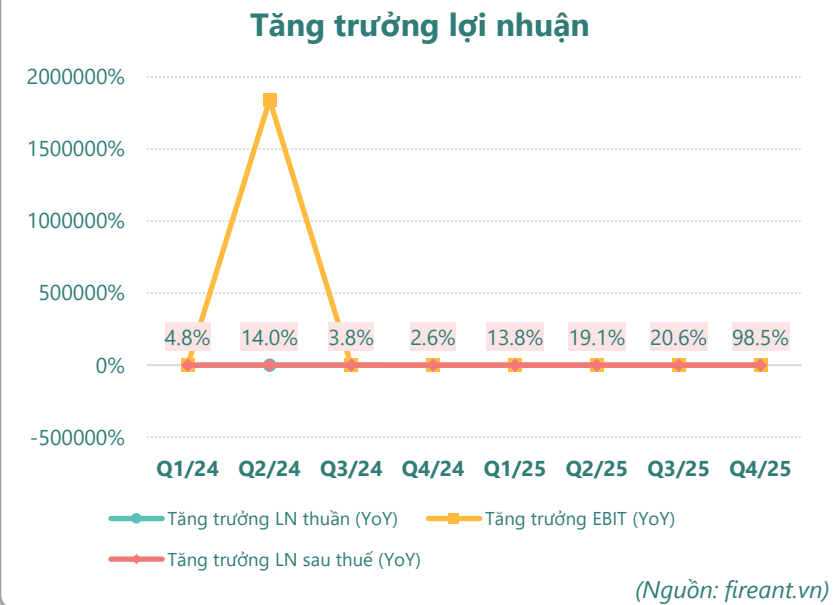
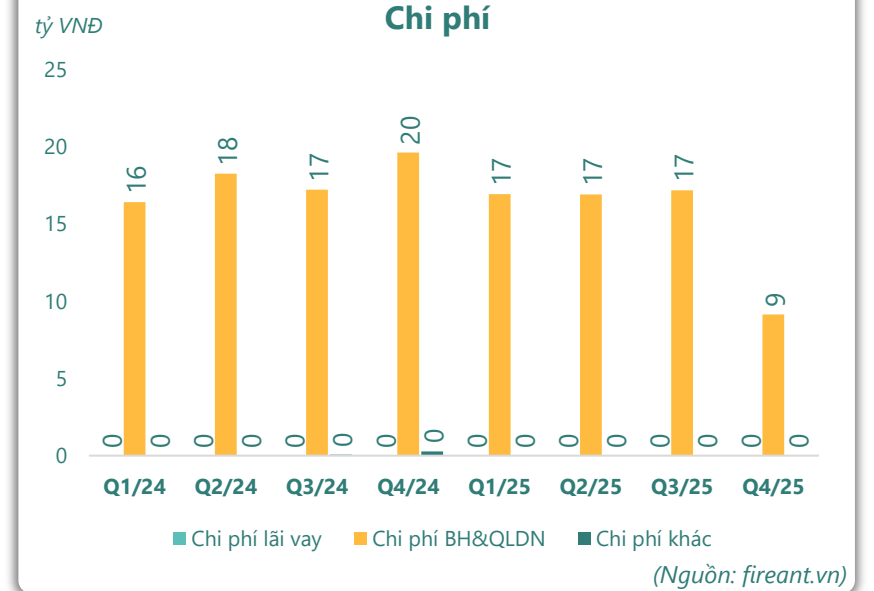
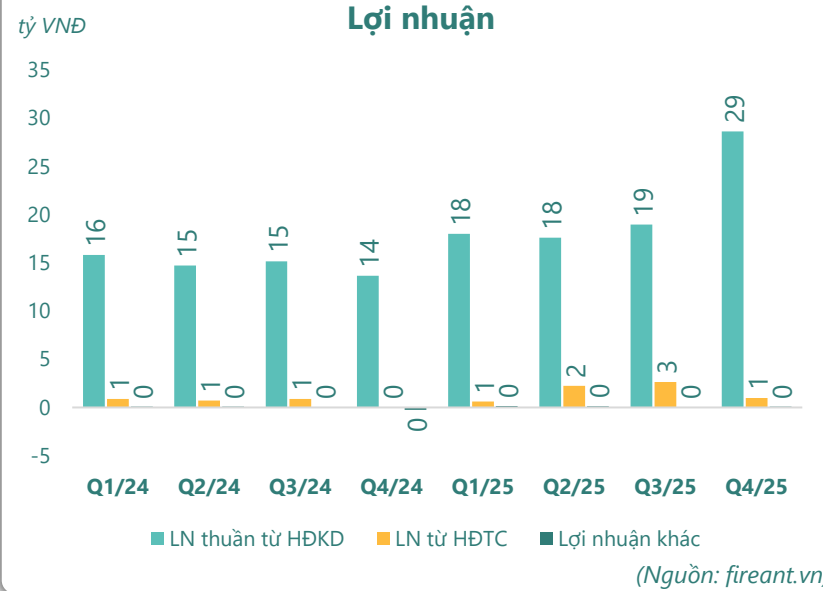
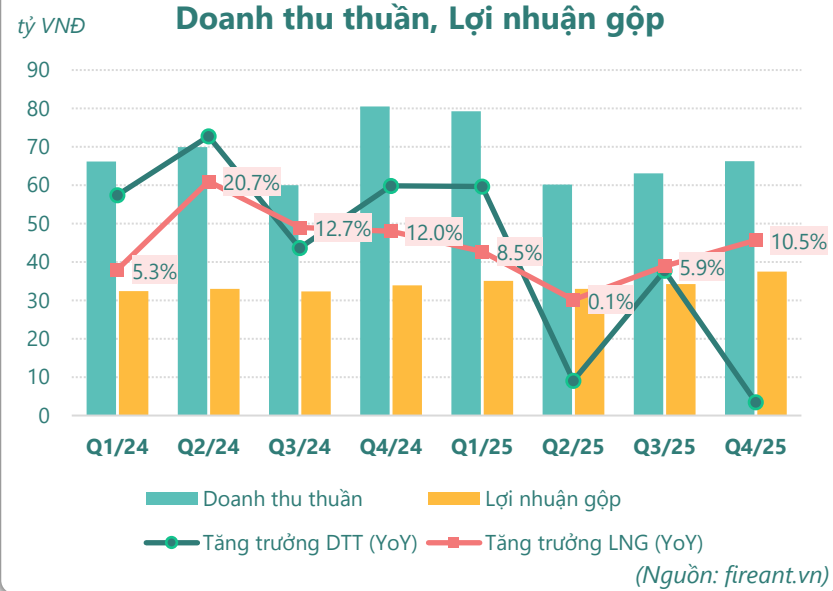
DT thuần 2025	269
tỷ VNĐ	YoY: ▼8.00 -2.8%

LN thuần 2025	83.2
tỷ VNĐ	YoY: ▲ 23.9 40.4%

LN sau thuế 2025	66.7
tỷ VNĐ	YoY: ▲ 19.7 42.0%



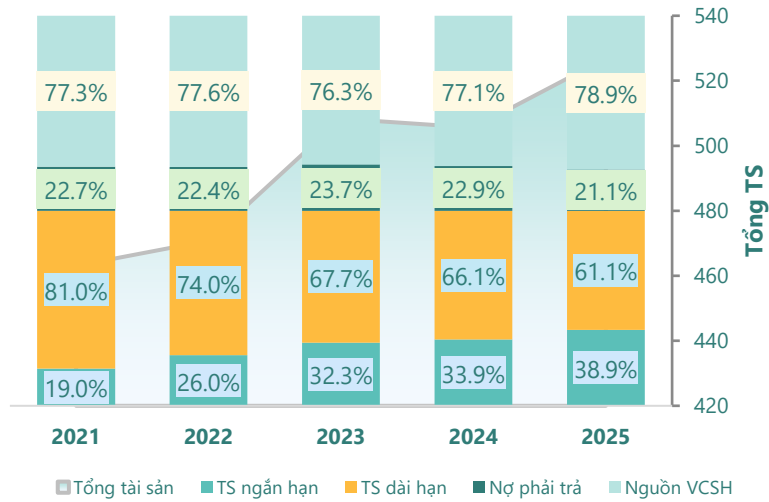
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

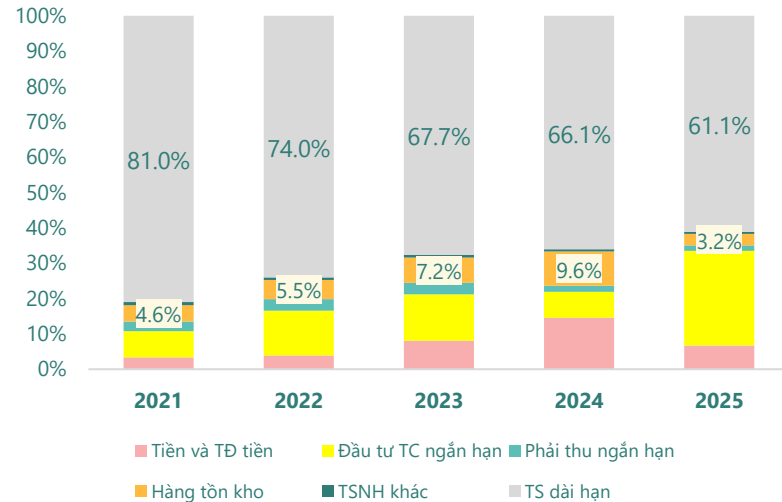
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

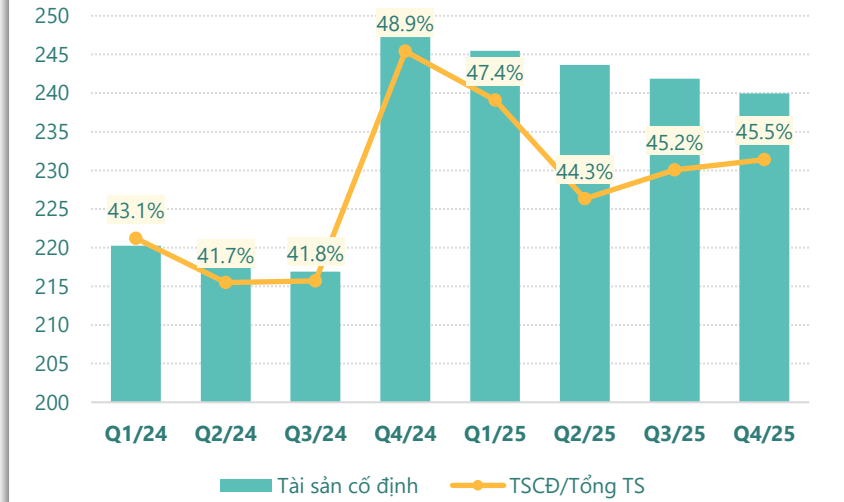
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

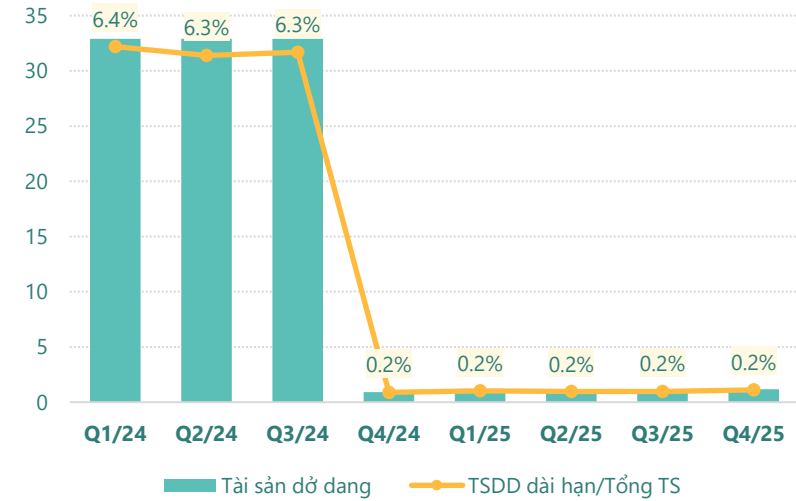
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

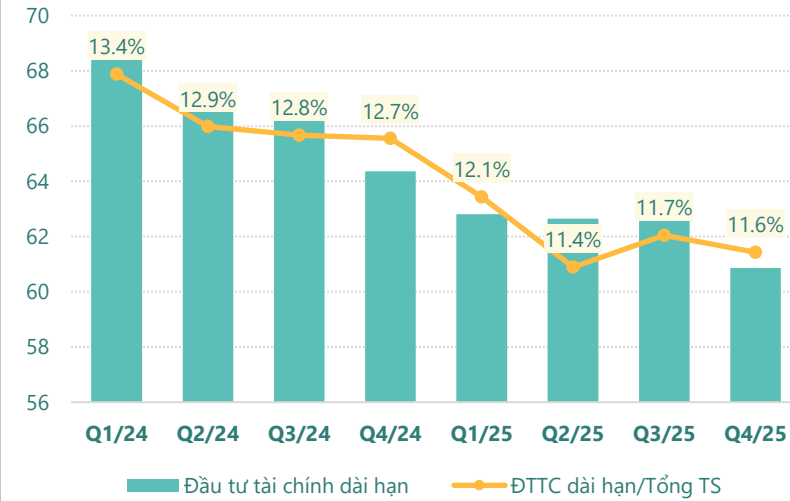
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

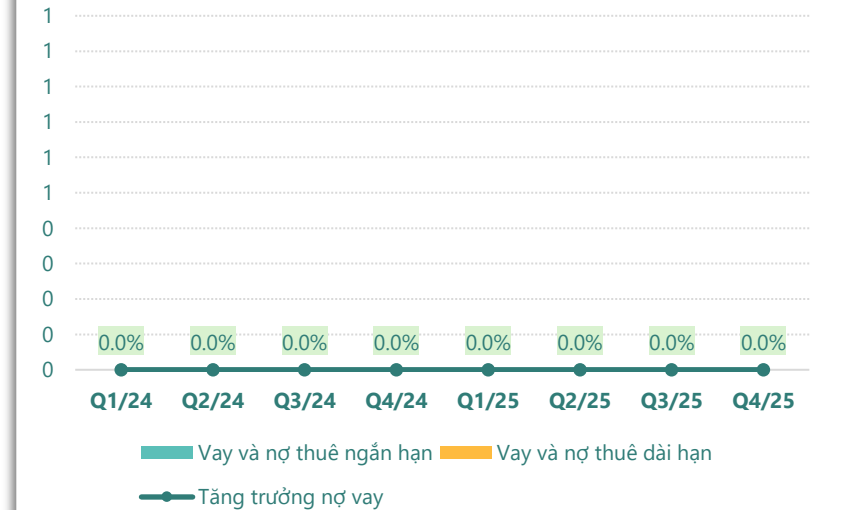
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

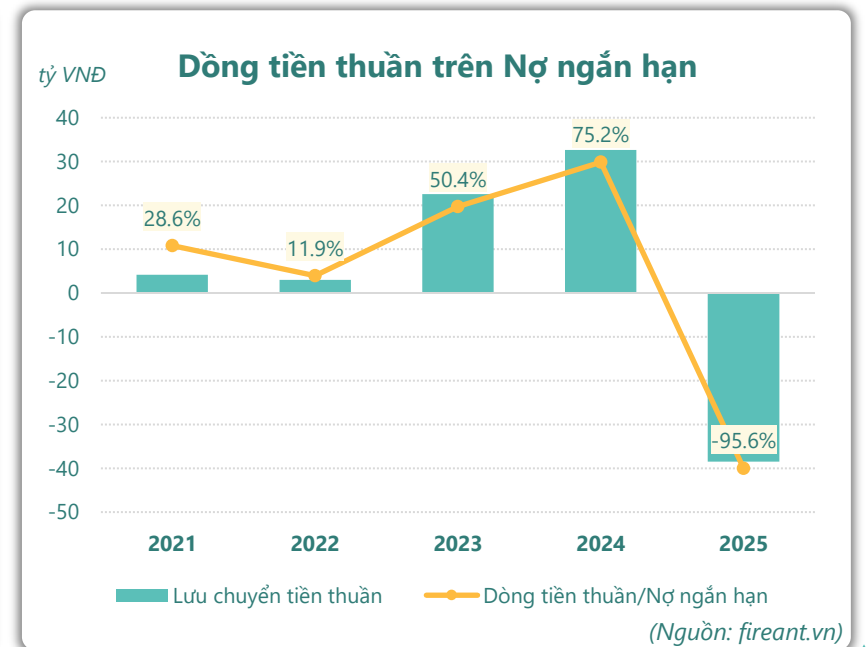
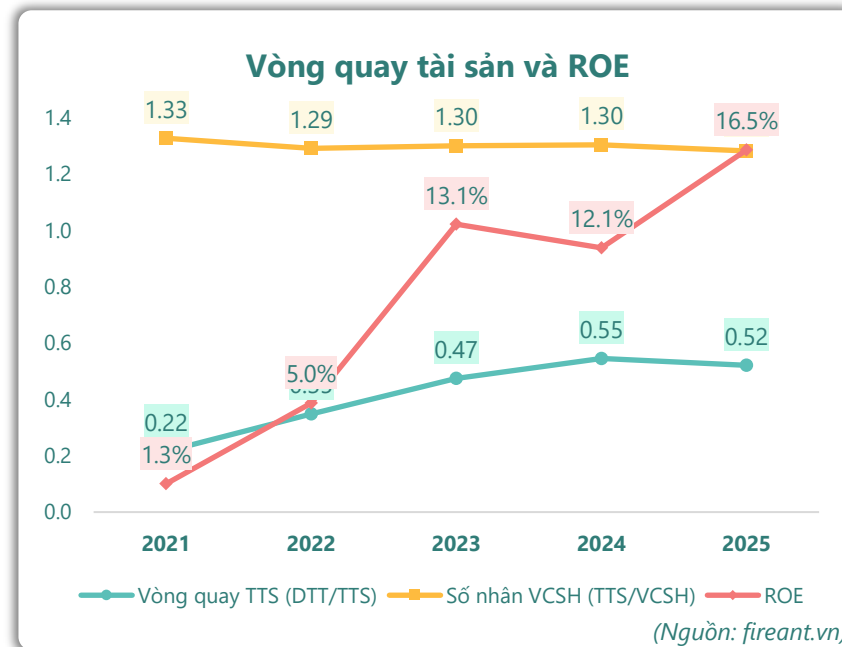
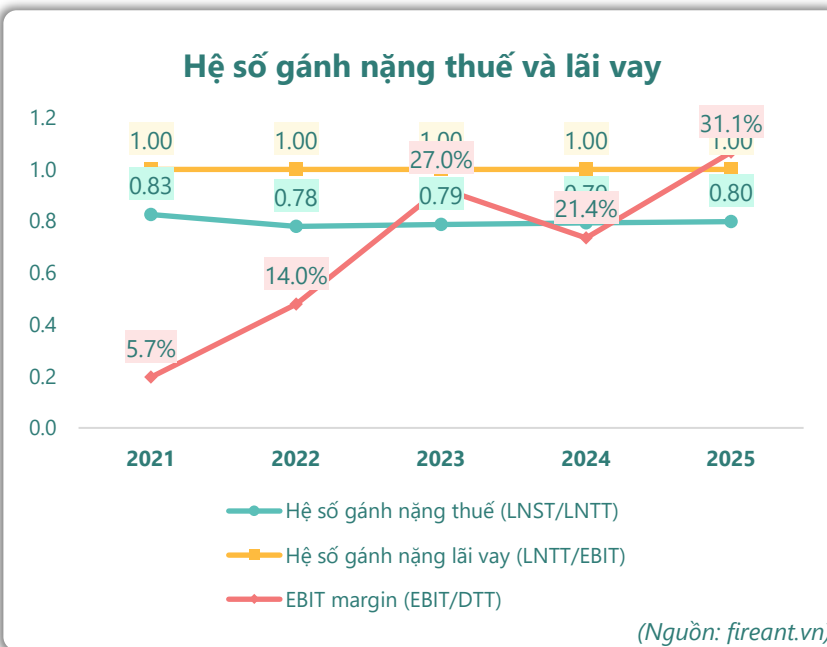
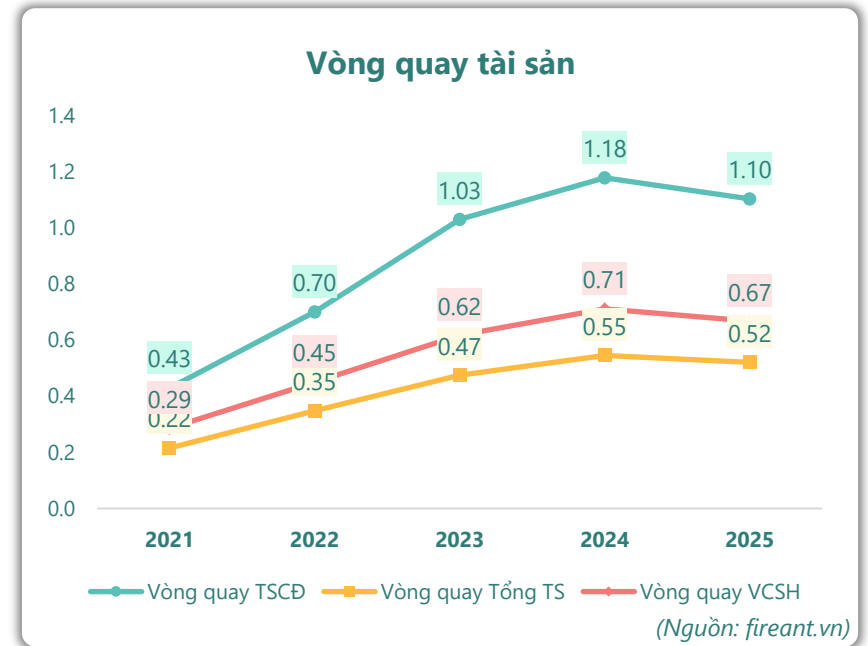
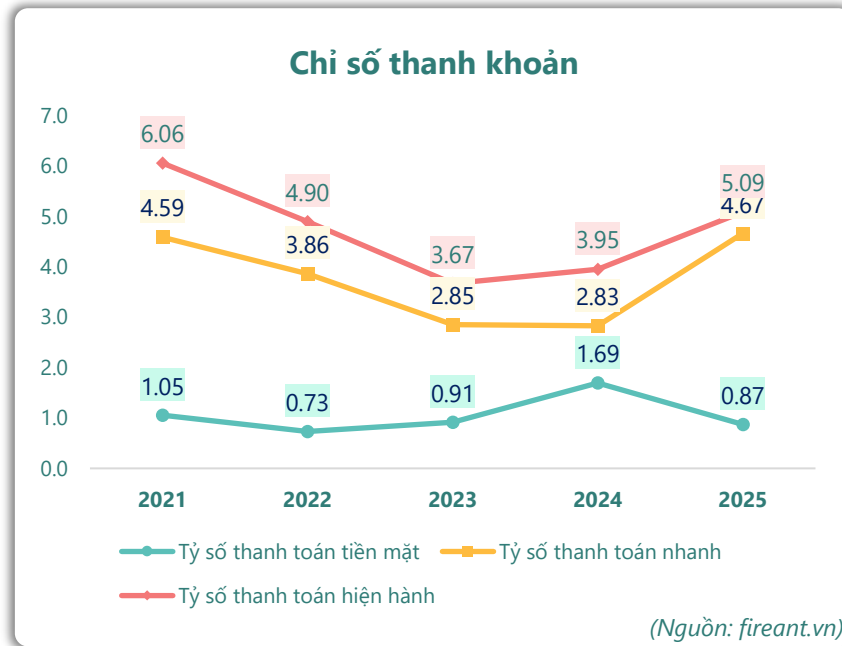
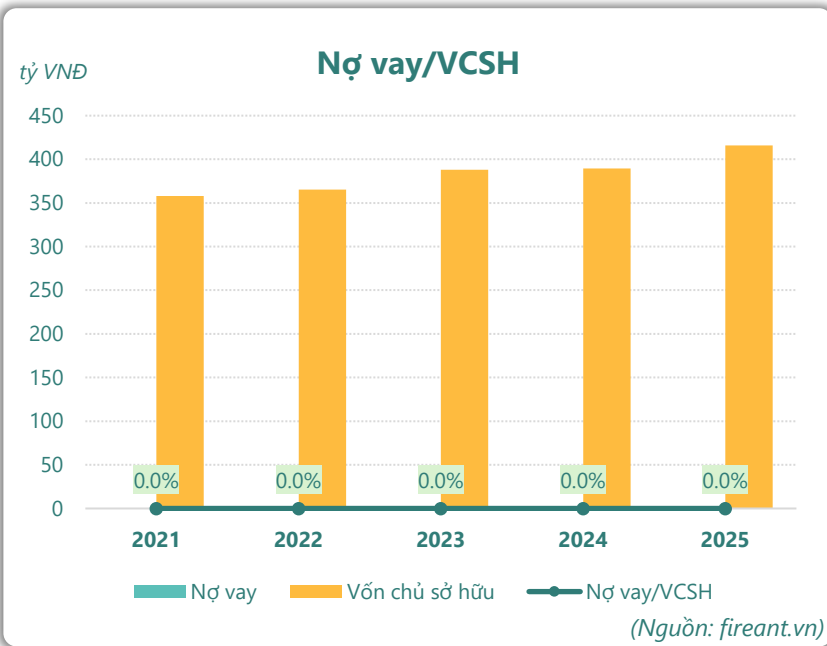
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	66.2	80.5	-17.7%	269	277	-2.8%
Giá vốn hàng bán	28.8	46.6	-38.2%	129	145	-11.1%
Lợi nhuận gộp	37.5	33.9	10.5%	140	132	6.3%
Doanh thu HĐTC	2.22	1.34	65.4%	7.32	5.26	39.1%
Chi phí TC	1.23	1.32	-6.5%	0.84	2.85	-70.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	-0.67	-0.62	-7.4%	-2.86	-3.09	7.4%
Chi phí bán hàng	3.55	8.96	-60.4%	41.4	40.4	2.5%
Chi phí QLDN	5.59	10.7	-47.7%	18.8	31.2	-39.7%
LN thuần từ HĐKD	28.6	13.7	109%	83.2	59.3	40.4%
Lợi nhuận khác	0.09	-0.24	136%	0.38	-0.03	1247%
LN trước thuế	28.7	13.4	114%	83.6	59.2	41.1%
Lợi nhuận sau thuế	22.9	10.5	118%	66.7	47.0	42.0%
LNST của CĐ cty mẹ	22.8	10.5	117%	66.6	46.9	42.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.7	2.86	20.0	35.6	28.0	14.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.73	-6.43	-19.4	-42.0	19.2	-53.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.9	-18.2	-0.01	0	-30.7	-9.77
Tiền đầu kỳ	95.9	95.3	73.5	74.1	67.7	84.2
Lưu chuyển tiền thuần	-0.52	-21.8	0.55	-6.42	16.5	-49.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	95.3	73.5	74.1	67.7	84.2	35.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	527	506	4.2%
Tài sản ngắn hạn	205	172	19.4%
Tiền và tương đương tiền	35.1	73.5	-52.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	142	37.1	281%
Phải thu ngắn hạn	7.88	8.87	-11.2%
Hàng tồn kho	17.1	48.8	-65.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.30	3.28	0.6%
Tài sản dài hạn	322	334	-3.6%
Phải thu dài hạn	0.12	0.12	0.0%
Tài sản cố định	240	247	-3.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.17	0.90	29.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	60.9	64.3	-5.3%
Tài sản dài hạn khác	20.0	21.5	-6.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	111	116	-4.2%
Nợ ngắn hạn	40.2	43.4	-7.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	19.3	17.7	9.3%
Nợ dài hạn	70.9	72.6	-2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	416	390	6.7%
Vốn chủ sở hữu	416	390	6.7%
Vốn điều lệ	135	135	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

